

- Nguyễn Đồng Tiến, chuyên gia tiền tệ, tín dụng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Nguyễn Thiệu, chuyên gia cao cấp - Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ.

4. Tổng Thư ký Hội đồng:

- Hoàng Nghĩa Tứ, chuyên viên cao cấp - Văn phòng Chính phủ.

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

THƯƠNG MẠI - KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG NGHIỆP

THÔNG TƯ liên tịch số 29/1999/TTLT- BTM-BKHĐT-BCN quy định việc giao hạn ngạch hàng dệt may xuất khẩu vào thị trường có quy định hạn ngạch năm 2000.

Căn cứ nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao;

Căn cứ Hiệp định buôn bán hàng dệt may với các nước có quy định hạn ngạch, liên Bộ Thương mại, Kế hoạch và Đầu tư, Công nghiệp quy định về việc giao hạn ngạch hàng dệt may năm 2000 có thu phí như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Việc giao hạn ngạch có thu phí được tiến hành theo nguyên tắc công khai, không phân biệt đối xử, khuyến khích xuất khẩu sản phẩm sử dụng nguyên liệu trong nước và xuất khẩu sang các thị trường không áp dụng hạn ngạch.

2. Đối tượng được giao hạn ngạch là các doanh nghiệp sản xuất hàng dệt may đủ tiêu chuẩn kỹ thuật làm hàng xuất khẩu, có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, có ngành hàng dệt may và đã thực hiện hạn ngạch năm 1999.

3. Căn cứ để giao hạn ngạch là số lượng thực hiện năm 1999 của doanh nghiệp trên cơ sở số lượng giao chính thức, không tính hạn ngạch thưởng, dẫu thầu, điều chỉnh, bổ sung do yêu cầu đột xuất

4. Đối với thị trường EU, dành 30% tổng hạn ngạch từng chủng loại hàng (cat.) để ưu tiên giao cho các doanh nghiệp ký hợp đồng trực tiếp với khách hàng là nhà công nghiệp Châu Âu, do Ủy ban Châu Âu giới thiệu. Việc ưu tiên này được xem xét đối với các hợp đồng ký chậm nhất là ngày 31 tháng 3 năm 2000. Các doanh nghiệp được giao hạn ngạch phải đảm bảo tỷ lệ nêu trên, trừ các doanh nghiệp được giao số lượng nhỏ: dưới 50.000 sản phẩm đối với các chủng loại (cat.): 4, 5, 8, 28 và 31; dưới 30.000 sản phẩm đối với chủng loại (cat.) 6, 7 và 21; dưới 10.000 sản phẩm đối với các chủng loại (cat.) 14, 26, 29 và 73; dưới 5.000 sản phẩm đối với chủng loại (cat.) 15; dưới 10,0 tấn đối với các chủng loại (cat.) 68, 161 và dưới 3,0 tấn đối với chủng loại (cat.) 78, 83.

5. Liên Bộ Thương mại - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Công nghiệp phân cấp cho Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trực tiếp giao hạn ngạch cho các doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quản lý. Việc giao hạn ngạch của Ủy ban nhân dân hai thành phố được thực hiện theo Thông tư liên tịch này và Biên bản bàn giao giữa liên Bộ Thương mại - Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Công nghiệp và Ủy ban nhân dân hai thành phố.

6. Dành khoảng 5% hạn ngạch hàng dệt may xuất khẩu sang EU, riêng T-shirt, polo.shirt (cat.4) khoảng 10% để ưu tiên và thưởng khuyến khích:

- Cho các doanh nghiệp xuất khẩu sử dụng vải sản xuất trong nước để làm hàng may xuất khẩu sang EU năm 2000.

- Cho các doanh nghiệp xuất khẩu hàng sang các thị trường không áp dụng hạn ngạch năm 1999.

Việc thưởng và ưu tiên có quy định riêng.

7. Dành một phần hạn ngạch hàng dệt may xuất khẩu sang EU các chủng loại hàng (Cat.): 5, 6, 7, 15, 21, 26 và 73 để tổ chức đấu thầu cho các doanh nghiệp trong cả nước. Số lượng của từng Cat. đưa ra đấu thầu được trích từ nguồn hạn ngạch bổ sung và tăng trưởng hàng năm.

Việc đấu thầu hạn ngạch thực hiện theo Quy chế Đấu thầu hạn ngạch hàng dệt, may xuất khẩu vào thị trường có quy định hạn ngạch số 1405/1998/QĐ-BTM ngày 17/11/1998.

II. THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HẠN NGẠCH

Các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng hạn ngạch hàng dệt may xuất khẩu vào các thị trường có áp dụng hạn ngạch phải đăng ký bằng văn bản gửi về Bộ Thương mại (Vụ Xuất nhập khẩu), 21 Ngõ Quyền - Hà Nội.

Thời gian đăng ký:

- Hạn ngạch thương mại: Trước ngày 10 tháng 10 năm 1999.

- Hạn ngạch công nghiệp: Trước ngày 10 tháng 4 năm 2000.

II. QUY ĐỊNH VIỆC GIAO HẠN NGẠCH

1. Đối với hạn ngạch công nghiệp:

Trước ngày 10 tháng 4 năm 2000, các doanh nghiệp có đủ điều kiện nêu tại Mục I điểm 4 gửi hợp đồng công nghiệp về Bộ Thương mại hoặc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội hoặc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (đối với các doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân hai thành phố quản lý) sẽ được giao hạn ngạch công nghiệp theo tỷ lệ quy định.

Nếu hạn ngạch công nghiệp không giao hết sẽ chuyển sang hạn ngạch thương mại.

2. Đối với hạn ngạch thương mại:

Việc giao hạn ngạch được chia làm 2 đợt:

a) Đợt 1: Trong tháng 10 năm 1999 giao hạn ngạch thương mại với số lượng bằng 100% số lượng thực hiện 9 tháng của năm 1999 (trừ các doanh nghiệp phải thực hiện hạn ngạch công nghiệp như quy định tại điểm 4 Mục I).

b) Đợt 2: Vào tháng 1 năm 2000, giao tiếp hạn ngạch thương mại còn lại theo nguyên tắc nêu tại điểm 2 Mục I.

Xét giao hạn ngạch ưu tiên, thưởng khuyến khích cho các doanh nghiệp theo quy định riêng.

3. Sau ngày 31 tháng 3 năm 2000 nếu hạn ngạch công nghiệp không ký hết sẽ được chuyển sang hạn ngạch thương mại để giao tiếp cho các doanh nghiệp.

Ngoài các đợt giao hạn ngạch nêu trên (trừ các doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân hai thành phố quản lý) trong quá trình điều hành có những vấn đề phát sinh, Tổ điều hành liên Bộ xem xét, đề xuất trình lãnh đạo Bộ Thương mại xử lý, sau đó văn bản được gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công nghiệp.

IV. NHỮNG QUY ĐỊNH THỰC HIỆN

1. Hoàn trả:

Sau khi được giao hạn ngạch, nếu doanh nghiệp không có khả năng thực hiện, phải hoàn trả cho Bộ Thương mại hoặc Ủy ban nhân dân hai thành phố, để hai thành phố và Bộ Thương mại cùng liên Bộ kịp điều chỉnh cho doanh nghiệp khác. Nghiêm cấm việc mua, bán hạn ngạch.

Doanh nghiệp không sử dụng hết hạn ngạch và không hoàn trả trước ngày 30 tháng 9 năm 2000, sẽ trừ vào số lượng hạn ngạch tương ứng năm sau.

2. Phí hạn ngạch:

Phí hạn ngạch từng chủng loại hàng theo phụ lục đính kèm.

Các doanh nghiệp nộp phí hạn ngạch cho một thông báo giao quyền sử dụng hạn ngạch hoặc từng lô hàng xuất khẩu. Khi nhận giấy phép xuất khẩu (E/L) tại Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực, doanh nghiệp phải xuất trình chứng từ nộp phí hạn ngạch cho lô hàng vào tài khoản của Bộ Thương mại số 945-01-475 tại Kho bạc Nhà nước thành phố Hà Nội.

Thời hạn nộp phí chậm nhất cho toàn bộ số lượng hạn ngạch được giao là ngày 30 tháng 9 năm 2000. Sau thời hạn trên, nếu doanh nghiệp không chuyển tiền vào tài khoản trên, hạn ngạch sẽ tự động hết hiệu lực. Các doanh nghiệp được giao bổ sung hạn ngạch sau ngày 30 tháng 9 năm 2000 phải nộp phí trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký Thông báo giao hạn ngạch.

Các Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực của Bộ Thương mại có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc nộp phí của các doanh nghiệp và bảo đảm thu đủ.

3. Ủy thác và nhận ủy thác:

Các doanh nghiệp được giao hạn ngạch, nếu không có khách hàng hoặc ký hợp đồng trực tiếp không có hiệu quả, có thể ủy thác cho doanh nghiệp khác có đủ điều kiện, trên nguyên tắc hàng phải được sản xuất tại doanh nghiệp có hạn ngạch và được Phòng quản lý xuất nhập khẩu thuộc Bộ Thương mại xác nhận bằng văn bản. Phí ủy thác do các bên thỏa thuận.

4. Chế độ báo cáo:

Các doanh nghiệp phải nghiêm chỉnh thực hiện chế độ báo cáo việc thực hiện hạn ngạch từng quý/năm theo mẫu. Thời gian báo cáo chậm nhất là ngày 10 của tháng đầu quý.

nghiệp được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về thi hành các Hiệp định buôn bán hàng dệt may với các nước áp dụng chế độ hạn ngạch, có nhiệm vụ tổ chức, hướng dẫn thực hiện tốt các điều khoản của Hiệp định đã ký và các quy chế đã ban hành, phối hợp với các cơ quan hữu quan trong nước và nước ngoài xử lý kịp thời những phát sinh trong quá trình thực hiện.

Các doanh nghiệp thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Hiệp định hiện hành về buôn bán hàng dệt may ký với các thị trường có áp dụng hạn ngạch, ngăn chặn các hành vi gian lận thương mại.

Các doanh nghiệp vi phạm sẽ bị xử phạt từ thu hồi hạn ngạch đến đình chỉ giao quyền sử dụng hạn ngạch hoặc xử lý theo pháp luật, tùy theo mức độ vi phạm.

Tổ Điều hành liên Bộ Thương mại, Kế hoạch và Đầu tư, Công nghiệp có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, báo cáo định kỳ kết quả thực hiện, thông báo tình hình trên Báo Thương mại, Tạp chí thương mại, Báo Đầu tư và Báo Công nghiệp để các doanh nghiệp có những thông tin cần thiết kịp thời.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Thông tư liên Bộ Thương mại - Kế hoạch và Đầu tư - Công nghiệp số 20/1998/TTLT-BTM-BKHĐT-BCN ngày 12/10/1998./.

KT. Bộ trưởng Bộ Thương mại
Thủ trưởng

LƯƠNG VĂN TỰ

KT. Bộ trưởng Bộ Công nghiệp
Thủ trưởng

LÊ HUY CÔN

KT. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Thủ trưởng

LẠI QUANG THỰC

V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Bộ Thương mại, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công

Phụ lục số 1

**MỨC THU LỆ PHÍ HẠN NGẠCH XUẤT KHẨU HÀNG
DỆT MAY VÀO THỊ TRƯỜNG EU**

(kèm theo Thông tư liên tịch số 29/1999/TTLT-BTM-BKHĐT-BCN ngày 07/9/1999).

| Số thứ tự | Tên chủng loại hàng | Cat. | Mức thu |
|--------------|------------------------------|------|----------------------|
| 1 | T.Shirt | 4 | 300,0 đồng/chiếc |
| 2 | Áo len | 5 | 1.000,0 đồng/chiếc |
| 3 | Quần | 6 | 1.000,0 đồng/chiếc |
| 4 | Sơmi nữ | 7 | 500,0 đồng/chiếc |
| 5 | Sơmi nam | 8 | 500,0 đồng/chiếc |
| 6 | Khăn bông | 9 | 200.000,0 đồng/tấn |
| 7 | Quần lót | 13 | 100,0 đồng/chiếc |
| 8 | Áo khoác nam | 14 | 2.000,0 đồng/chiếc |
| 9 | Áo khoác nữ | 15 | 5.000,0 đồng/chiếc |
| 10 | Bộ Pyjama | 18 | 500.000,0 đồng/tấn |
| 11 | Ga trải giường | 20 | 500.000,0 đồng/tấn |
| 12 | Áo Jacket | 21 | 2.000,0 đồng/chiếc |
| 13 | Váy dài nữ | 26 | 1.000,0 đồng/chiếc |
| 14 | Quần len | 28 | 200,0 đồng/chiếc |
| 15 | Bộ quần áo nữ | 29 | 2.000,0 đồng/bộ |
| 16 | Áo lót nhỏ | 31 | 1.000,0 đồng/chiếc |
| 17 | Vải tổng hợp | 35 | 350.000,0 đồng/tấn |
| 18 | Khăn trải bàn | 39 | 500.000,0 đồng/tấn |
| 19 | Sợi tổng hợp | 41 | 300.000,0 đồng/tấn |
| 20 | Quần áo trẻ em | 68 | 700.000,0 đồng/tấn |
| 21 | Bộ thể thao | 73 | 2.000,0 đồng/bộ |
| 22 | Quần áo bảo hộ lao động | 76 | 500.000,0 đồng/tấn |
| 23 | Quần áo | 78 | 2.500.000,0 đồng/tấn |
| 24 | Quần áo | 83 | 700.000,0 đồng/tấn |
| 25 | Lưới sợi | 97 | 700.000,0 đồng/tấn |
| 26 | Khăn trải bàn bằng lanh, gai | 118 | 500.000,0 đồng/tấn |
| 27 | Quần áo bằng vải thô | 161 | 500.000,0 đồng/tấn |

09661933

Phụ lục số 2**MỨC THU LỆ PHÍ HẠNG NGẠCH XUẤT KHẨU HÀNG
DỆT MAY VÀO THỊ TRƯỜNG CANADA***(kèm theo Thông tư liên tịch số 29/1999/TTLT-BTM-BKHĐT-BCN ngày 07/9/1999).*

| Số thứ tự | Tên chủng loại hàng | Cat. | Mức thu |
|-----------|---------------------|--------|------------------------|
| 1 | T.Shirt | 8c | 300,0 đồng/chiếc |
| 2 | Áo len | 11a | 1.000,0 đồng/chiếc |
| 3 | Quần | 5a/b | 1.000,0 đồng/chiếc |
| 4 | Sơ mi nữ | 7/8a | 500,0 đồng/chiếc |
| 5 | Jacket | 1/3a | 3.500,0 đồng/chiếc, bộ |
| | Quần áo mùa đông | 2a | 3.500,0 đồng/chiếc, bộ |
| 6 | Váy dài nữ | 4c | 1.000,0 đồng/chiếc |
| 7 | Bộ quần áo | 4a | 2.000,0 đồng/bộ |
| 8 | Quần áo lót | 9a | 500,0 đồng/chiếc |
| 9 | Quần áo trẻ em | Item B | 150,0 đồng/chiếc, bộ |
| 10 | Bộ thể thao | 8d | 2.000,0 đồng/bộ |

**BỘ TÀI CHÍNH - BAN TỔ CHỨC -
CÁN BỘ CHÍNH PHỦ**

THÔNG TƯ liên tịch số 110/1999/TTLT-BTC-BTCCP ngày 11/9/1999 hướng dẫn việc bàn giao nhiệm vụ, công chức, viên chức và biên chế của Cục Quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp sang Sở Tài chính - Vật giá tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Nghị định số 84/1999/NĐ-CP ngày 28/8/1999 của Chính phủ về tổ chức lại Tổng cục Quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp, Bộ Tài chính và Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ hướng dẫn việc bàn giao nhiệm vụ, cán bộ và biên chế của các Cục Quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp sang Sở Tài chính - Vật giá thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân tỉnh) như sau:

1. Từ ngày 01 tháng 10 năm 1999, Sở Tài chính - Vật giá thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài chính doanh nghiệp trên địa bàn và quản lý vốn và tài sản thuộc sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp do địa phương thành lập và góp vốn theo quy định tại Nghị định số 84/1999/NĐ-CP ngày 28/8/1999 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 109/1999/TT-BTC ngày 11/9/1999 của Bộ Tài chính.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá nhận bàn giao. Bộ trưởng Bộ Tài chính ủy quyền cho Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện việc chuyển giao.

Nội dung chuyển giao gồm:

- Toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ quản lý tài chính doanh nghiệp của Sở Tài chính - Vật giá.

- Danh sách công chức, viên chức của Cục Quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.

- Tài sản mà Cục Quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp đang quản lý và sử dụng (theo hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính).